



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
O NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	9 - 13
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 16
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	17 - 18
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	19 - 63



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”)

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 22 lần được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh về việc tăng vốn điều lệ và thành lập thêm các công ty thành viên, trong đó Giấy phép điều chỉnh lần thứ 22 số 41A/GPĐC22/KDBH ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc thành lập thêm chi nhánh.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : 0243 772 4466
Fax : 0243 772 4460
Mã số thuế : 0100774631

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc

	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hồ Chí Minh	Tầng 11, tòa tháp Viettel, số 285 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
2	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng	Tầng 5 tòa nhà Bưu điện Đà Nẵng, 271 Phạm Văn Linh, P.Vĩnh Trung – Q.Thanh Khê – TP.Đà Nẵng
3	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	Tòa nhà số 2 Lô 28A Lê Hồng Phong, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
4	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ	Số 40, đường Võ Văn Kiệt, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
5	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Trung bộ	16 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
6	Công ty Bảo hiểm Bưu điện khu vực Phía Bắc	Đường Nguyễn Tất Thành, Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
7	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Nai	Số R64, R65 Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
8	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nguyên	27 Trần Khánh Dư, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
9	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Trung bộ	Số 2 Đường Lê Thành Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
10	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cà Mau	Số 3 Lưu Tấn Tài, Phường 5, Thành phố Cà Mau
11	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định	Tầng 4 số 2 Trần Thị Kỳ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
12	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Dương	Số 150 đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
13 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Quảng Ninh	Số 164 Lê Thánh Tông, P.Bạch Đằng, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
14 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thanh Hóa	Tầng 5, Số 11 Hạc Thành, Phường Điện Phủ, TP.Thanh Hoá
15 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thừa Thiên Huế	Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
16 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long	Tòa nhà Hoa Đăng, số 290 Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
17 Công ty Bảo hiểm Bưu điện An Giang	Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
18 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Long An	Số 37-39 đường số 5 – P.6, TP.Tân An, tỉnh Long An
19 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc	Số 2, Đường Ngô Quyền, Thị xã Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
20 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn	Phòng 2-3, tầng 3, tòa nhà Dali tower, 24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
21 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Ninh	Lô B94, đường Kinh Dương Vương, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
22 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lào Cai	Số 121 Đường Thanh Niên, P.Duyên hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
23 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Sông Hồng	Số 08, Đường Lê Đại Hành, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.
24 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bến Thành	Số 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3 TP.Hồ Chí Minh
25 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội	Tầng 2 – tòa nhà báo Tài nguyên và môi trường, lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
26 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Hưng	Số 106 Hồng Quang, P.Quang Trung, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương
27 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tiền Giang	Số 59, đường 30/4, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
28 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đô	Tầng 56, tòa nhà 95B, khu lao động Thịnh Hào, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội
29 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bình Trị Thiên	Số 146, đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
30 Văn phòng đại diện Tổng Công ty Khu vực phía Nam	Tầng 2, Cao ốc Thủy Lợi 4, số 205 Nguyễn Xí, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
31 Công ty Bảo hiểm Bưu Điện Thống Nhất	Lầu 3, 170 Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
32 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Phú Mỹ Hưng	Lầu 7 Tòa nhà Loyal, 151-151 Bis Võ Thị Sáu, P.6, Q.3, TP.Hồ Chí Minh
33 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vũng Tàu	Số 408 Lê Hồng Phong, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
34 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Nguyên	Tầng 2, tòa nhà 09 tầng, phố Tô Ngọc Vân, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, P.Đồng Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
35 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Gia Lai	Số 69 Hùng Vương, Phường Tây Sơn, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
36 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Thành	Tầng 5, Tòa nhà Lạc Hồng, 85 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội
37 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định	Tầng 3 tòa nhà ACB – chi nhánh Nam Định, số 67 Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định
38 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Đăng	Tầng 2 tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
39 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tràng An	Tầng 6, tòa nhà 434 Trần Khát Chân, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
40 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Bắc	Bưu cục Bắc Trần Hưng Đạo, xóm 12, Xã Sù Ngòi, Thành phố Hoà Bình, Hòa Bình
41 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Âu Lạc	Căn số 2, N7B Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
42 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sóc Trăng	Số 1, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
43 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Bình	Tầng 5, số 355 Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
44 Văn phòng đại diện Giám định Bồi thường PTI tại Hà Nội	Tầng 2, nhà số 2, Chung cư cao tầng tại ô đất CT3, Khu đô thị mới Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
45 Văn phòng đại diện Giám định Bồi thường PTI tại Hồ Chí Minh	Số 205 Nguyễn Xí, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
46 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Tuyên	Tổ 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
47 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nam	Khu phố 7, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
48 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thời đại số	Tầng 3, tòa nhà Comatce Tower, số 61 Nguyễn Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Kim, Kang Wook	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Xuân Dũng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Thị Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Park, Je Kwang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Xuân Thu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Park Suk Gon	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Bà Bùi Thanh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Ki, Hyun Park	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bae, Taeg Soo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Xuân Thu	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Cao Bá Huy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Huỳnh Việt Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nghiêm Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017
Bà Lưu Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Kim Lân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2018
Ông Đoàn Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2018

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Xuân Thu - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Lãnh đạo đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Lãnh đạo phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Lãnh đạo,

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Số: 1.0510/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2019, từ trang 09 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Bảo hiểm Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Hoàng Đức - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0963-2015-008-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		5.070.461.764.540	4.355.044.867.692
(100=110+120+130+140+150+190)					
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	124.625.653.602	108.166.401.355
1. Tiền		111		124.550.653.602	103.841.401.355
2. Các khoản tương đương tiền		112		75.000.000	4.325.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		2.761.963.711.798	2.471.836.460.879
1. Chứng khoán kinh doanh		121	V.2a	599.508.668.818	287.384.199.971
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122	V.2a	(76.375.920.784)	(5.688.220.092)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2b	2.238.830.963.764	2.190.140.481.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		843.739.007.959	760.004.899.423
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	575.195.385.088	457.924.172.439
1.1 <i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>		131.1		540.132.640.419	430.865.393.828
1.2 <i>Phải thu khác của khách hàng</i>		131.2		35.062.744.669	27.058.778.611
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	134.568.153.375	145.159.083.299
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.5a	194.807.723.717	222.422.365.263
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.6	(60.832.254.221)	(65.500.721.578)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		9.591.183.779	9.346.424.435
1. Hàng tồn kho		141	V.7	9.650.078.554	9.346.424.435
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		(58.894.775)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		250.638.628.078	184.574.577.135
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8a	233.972.440.744	176.674.027.242
1.1 <i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>		151.1		233.777.609.509	176.030.723.016
1.2 <i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>		151.2		194.831.235	643.304.226
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		5.121.944.585	6.166.850.082
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	V.9	11.544.242.749	1.733.699.811
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
VIII. Tài sản tái bảo hiểm		190	V.22c	1.079.903.579.324	821.116.104.465
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		191		732.477.619.828	525.983.018.605
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		192		347.425.959.496	295.133.085.860

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.038.909.339.873	1.043.938.002.639
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		18.793.237.023	17.855.779.676
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	18.793.237.023	17.855.779.676
6.1	Ký quỹ bảo hiểm	216.1		10.280.000.000	10.280.000.000
6.2	Phải thu dài hạn khác	216.2		8.513.237.023	7.575.779.676
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		96.075.940.013	84.919.980.334
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	87.503.404.901	75.058.333.415
	Nguyên giá	222		188.385.738.303	163.289.641.505
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.882.333.402)	(88.231.308.090)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	8.572.535.112	9.861.646.919
	Nguyên giá	228		16.641.592.486	15.741.792.486
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.069.057.374)	(5.880.145.567)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.12	114.494.403.529	115.891.902.279
	Nguyên giá	231		122.642.128.702	121.055.366.654
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.147.725.173)	(5.163.464.375)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		35.649.432.480	18.713.028.705
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	35.649.432.480	18.713.028.705
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		736.584.183.377	776.172.899.424
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	127.708.554.179	128.546.442.525
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	155.759.412.685	245.429.793.280
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2e	(83.623.256.530)	(72.873.506.190)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	536.739.473.043	475.070.169.809
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		37.312.143.451	30.384.412.221
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	35.524.405.797	28.350.995.769
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		51.895.065	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		1.735.842.589	2.033.416.452
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.109.371.104.413	5.398.982.870.331

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		4.293.391.782.678	3.497.833.280.112
I. Nợ ngắn hạn		310		4.283.877.097.039	3.489.490.963.504
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.14	528.841.629.022	373.657.837.794
1.1 <i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>		311.1		495.355.369.813	340.259.182.198
1.2 <i>Phải trả khác cho người bán</i>		311.2		33.486.259.209	33.398.655.596
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.15	10.489.194.940	7.116.109.079
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.16	29.403.221.848	32.039.305.278
4. Phải trả người lao động		314		7.168.174.330	47.815.610.237
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315		4.161.366.528	580.399.234
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1	V.17	102.451.079.528	91.476.858.119
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2	V.18	155.855.656.519	137.118.307.828
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.19a	109.721.954.499	86.924.008.371
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.20a	126.064.008.530	197.777.181.284
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321	V.21	70.000.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		51.968.001	137.968.001
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
15. Dự phòng nghiệp vụ		329		3.139.668.843.294	2.514.847.378.279
15.1 <i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.1	V.22a	2.144.592.205.609	1.647.879.368.341
15.2 <i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.2	V.22a	896.915.750.913	797.519.969.351
15.3 <i>Dự phòng dao động lớn</i>		329.3	V.22b	98.160.886.772	69.448.040.587
II. Nợ dài hạn		330		9.514.685.639	8.342.316.608
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.19b	1.501.442.386	1.120.456.136
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.20b	7.529.552.184	6.738.169.403
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		483.691.069	483.691.069
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.815.979.321.735	1.901.149.590.219
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1.815.979.321.735	1.901.149.590.219
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		803.957.090.000	803.957.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		803.957.090.000	803.957.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		827.943.052.804	827.943.052.804
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.644.374.262	21.059.046.903
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		49.884.763.553	48.967.380.576
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.585.835.597	198.191.072.708
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		94.531.680.457	198.191.072.708
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.054.155.140	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		964.205.519	1.031.947.228
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.109.371.104.413	5.398.982.870.331

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		213.376.854.353	255.384.755.378
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		10.715,45	930.637,42
Euro (EUR)		28.167,19	26.066,04
Bảng Anh (£)		334,63	342,88

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		3.377.065.124.664	2.781.985.447.762
1.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		159.655.687.938	114.488.016.246
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	VI.4	6.957.098.394	15.149.078.057
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.8	172.116.516.152	245.417.767.411
4. Thu nhập khác	13		2.991.878.874	1.348.346.457
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		2.785.765.875.316	2.228.700.074.666
5.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	20.2		145.778.641.906	99.851.574.396
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.7	3.662.574.903	9.760.072.951
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.9	160.538.828.441	93.440.918.531
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		1.768.729.868	1.741.479.988
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	VI.10	594.053.982.001	539.624.787.964
9. Chi phí khác	24		2.411.561.556	1.139.302.533
10.1 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	50.1		(837.888.346)	2.308.806.005
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10.1+10.2+11+12+13-20.1-20.2-21-22-23.1-23.2-24)	50.2		23.968.223.685	186.439.250.909
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	6.991.162.990	32.696.262.536
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		9.922.940	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>16.967.137.755</u>	<u>153.742.988.373</u>
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		(4.400.362)	49.227.226
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	60.2		16.971.538.117	153.693.761.147
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>193</u>	<u>1.845</u>
15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>193</u>	<u>1.845</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	01	VI.1	3.789.121.844.195	3.287.790.703.687
Trong đó				
- Phí Bảo hiểm gốc	01.1		4.159.480.240.770	3.206.371.714.043
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		126.354.440.693	143.631.384.852
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		496.712.837.268	62.212.395.208
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	02	VI.2	1.208.055.461.740	874.320.789.457
Trong đó				
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.414.550.062.963	1.068.492.024.874
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		206.494.601.223	194.171.235.417
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		2.581.066.382.455	2.413.469.914.230
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác (04 = 04.1 + 04.2)	04		795.998.742.209	368.515.533.532
Trong đó				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	VI.3	288.629.661.402	237.115.495.348
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		507.369.080.807	131.400.038.184
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10.1		3.377.065.124.664	2.781.985.447.762
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		159.655.687.938	114.488.016.246
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11	VI.5	1.702.802.760.540	1.683.410.889.298
Trong đó				
- Tổng chi bồi thường	11.1		1.714.283.076.028	1.709.178.004.193
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		11.480.315.488	25.767.114.895
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	VI.5	422.479.385.543	423.122.583.392
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và	13	VI.5	90.787.511.067	18.537.842.421
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	VI.5	43.684.603.141	78.204.297.357
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	VI.5	1.327.426.282.923	1.200.621.850.970
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		28.712.846.185	22.815.110.140
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	VI.6	1.429.626.746.208	1.005.263.113.556
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		400.384.268.787	332.656.891.735
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		1.029.242.477.421	672.606.221.821


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18.1 = 15 + 16 + 17)	18.1		2.785.765.875.316	2.228.700.074.666
13.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2		145.778.641.906	99.851.574.396
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19.1 = 10.1 - 18.1)	19.1		591.299.249.348	553.285.373.096
14.2 Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác (19.2 = 10.2 - 18.2)	19.2		13.877.046.032	14.636.441.850
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	VI.4	6.957.098.394	15.149.078.057
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.7	3.662.574.903	9.760.072.951
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 - 21)	22		3.294.523.491	5.389.005.106
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.8	172.116.516.152	245.417.767.411
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.9	160.538.828.441	93.440.918.531
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		11.577.687.711	151.976.848.880
21.1 Chi phí bán hàng	26.1		1.768.729.868	1.741.479.988
21.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	VI.10	594.053.982.001	539.624.787.964
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19.1 + 19.2 + 22 + 25 - 26.1 - 26.2)	30		24.225.794.713	183.921.400.980
23. Thu nhập khác	31		2.991.878.874	1.348.346.457
24. Chi phí khác	32		2.411.561.556	1.139.302.533
25.1 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		580.317.318	209.043.924
25.2 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	41		(837.888.346)	2.308.806.005
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		23.968.223.685	186.439.250.909
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	6.991.162.990	32.696.262.536
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		9.922.940	-
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.967.137.755	153.742.988.373
29.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61.1		(4.400.362)	49.227.226
29.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61.2		16.971.538.117	153.693.761.147
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	193	1.845
31. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.11	193	1.845

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.968.223.685	186.439.250.909
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	21.779.416.880	17.511.966.494
- Các khoản dự phòng	03	512.861.868.606	(114.025.078.711)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(112.704.843.201)	(122.378.432.046)
- Chi phí lãi vay	06 VI.9	9.524.763.786	5.638.287.801
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	455.429.429.756	(26.814.005.553)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(96.391.691.264)	(16.705.186.067)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(303.654.119)	1.976.786.763
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	190.281.794.265	152.906.299.913
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(64.471.823.530)	(30.461.915.403)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(312.124.468.847)	(110.443.049.338)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.524.763.786)	(5.638.287.801)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.16	(30.792.333.161)	(18.896.768.986)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	74.200.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(350.555.000)	(149.506.364)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	131.751.934.314	(54.151.432.836)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(48.897.552.959)	(33.410.858.119)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	5.522.838.729
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.693.679.273.303)	(1.040.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.583.319.487.305	1.033.828.720.773
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(49.968.600.000)	(88.471.226.880)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	139.638.980.595	76.450.666.540
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	121.835.852.017	97.567.715.942
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	52.248.893.655	51.187.856.985

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	646.829.145.538	625.392.613.419
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(717.750.935.511)	(495.585.932.344)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(96.619.785.749)	(95.810.578.773)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(167.541.575.722)	33.996.102.302
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		16.459.252.247	31.032.526.451
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	108.166.401.355	77.133.874.904
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	124.625.653.602	108.166.401.355

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Số 26 đường Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Bán xăng dầu	93,63%	93,63%	93,63%	93,63%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 26 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cho thuê bất động sản và cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	99%	99%	99%	99%

5c. Danh sách các công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	49,00%	95,32%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
------------------------	---	--------	--------

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 1 văn phòng chính, 2 văn phòng đại diện Giám định Bồi thường tại Hà Nội và Hồ Chí Minh, 1 văn phòng đại diện khu vực phía Nam và 45 chi nhánh trực thuộc trong cả nước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Tập đoàn có 2.090 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.959 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

98
H T
OP
NH
D A
T A I
G E

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chủ yếu là chi phí hoa hồng chưa phân bổ, Tiền thuê văn phòng, Công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 04 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	20 - 50

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm được trích lập theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	$\frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}$	x	$\frac{\text{Số tiền bồi thường phát sinh năm tài chính hiện tại}}{\text{Số tiền bồi thường phát sinh năm tài chính hiện tại}}$	x	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}}$	x	$\frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính trước}}$
--	---	---	---	---	---	---	---	--

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại. Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chi tiêu "Người mua trả tiền trước" trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong năm.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	10.621.956.926	17.897.313.969
Tiền gửi ngân hàng	85.894.938.676	77.170.827.386
Tiền đang chuyển	28.033.758.000	8.773.260.000
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	75.000.000	4.325.000.000
Cộng	<u>124.625.653.602</u>	<u>108.166.401.355</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Chứng khoán niêm yết</i>	599.508.668.818	526.280.959.800	76.375.920.784	285.475.786.471	298.208.827.900	5.688.220.092
LPB	169.720.152.006	141.714.625.500	28.005.526.506	56.675.182.165	57.813.736.500	
OIL	150.318.761.359	130.957.460.000	19.361.301.359			
TDM	81.329.371.070	81.726.600.000		67.751.475	73.800.000	
HUT	27.761.617.500	15.546.883.000	12.214.734.500	32.000.000.000	34.560.000.000	
MBB	38.086.520.159	31.161.623.000	6.924.897.159	51.250.202.983	59.245.449.200	
Các mã khác	132.292.246.724	125.173.768.300	9.869.461.260	145.482.649.848	146.515.842.200	5.688.220.092

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán chưa niêm yết						
DPTW2				1.908.413.500		
Cộng	599.508.668.818	526.280.959.800	76.375.920.784	287.384.199.971	298.208.827.900	5.688.220.092

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.688.220.092	263.490.518
Trích lập dự phòng bổ sung	72.211.922.861	5.688.220.092
Sử dụng dự phòng	(1.524.222.169)	(263.490.518)
Số cuối năm	76.375.920.784	5.688.220.092

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	2.238.830.963.764		2.190.140.481.000	
Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	2.131.996.663.764		2.030.306.181.000	
Đầu tư trái phiếu	100.000.000.000		148.000.000.000	
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	6.834.300.000		11.834.300.000	
Dài hạn	536.739.473.043	35.577.056.197	475.070.169.809	31.235.306.464
Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	304.011.666.667		352.983.000.000	
Đầu tư trái phiếu	100.000.000.000			
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	132.727.806.376	35.577.056.197	122.087.169.809	31.235.306.464
Cộng	2.775.570.436.807	35.577.056.197	2.665.210.650.809	31.235.306.464

^(*) Tổng Công ty sử dụng khoản tiền gửi mở tại 04 tổ chức tín dụng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, giá trị 327.000.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (xem thuyết minh số V.20).

Ngoài ra, Tổng Công ty sử dụng khoản tiền gửi mở tại 03 tổ chức tín dụng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Gia Định, giá trị 376.328.330.431 VND để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.20).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối năm	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm	Cộng
		Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư			Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ⁽¹⁾	88.200.000.000	(467.061.840)	87.732.938.160	88.200.000.000	1.266.043.796	89.466.043.796
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽²⁾	20.152.200.000	4.981.826.927	25.134.026.927	20.152.200.000	5.121.151.547	25.273.351.547
Công ty Cổ phần Kasati ⁽³⁾	14.292.700.000	548.889.092	14.841.589.092	14.292.700.000	(485.652.818)	13.807.047.182
Cộng	122.644.900.000	5.063.654.179	127.708.554.179	122.644.900.000	5.901.542.525	128.546.442.525

⁽¹⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103027478 ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện 88.200.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

⁽²⁾ Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 347/BKH-ĐTRNN-ĐC3 ngày 30 tháng 9 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang 1.000.000 USD, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn theo đăng ký là 1.000.000 USD tương đương 20.152.200.000 VND.

⁽³⁾ Tổng Công ty đã mua 638.090 cổ phần của Công ty Cổ phần Kasati tương đương 21,3 % vốn điều lệ với giá mua là 14.292.700.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty nắm giữ 638.090, chiếm 21,3% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kasati.

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong năm	Giảm khác do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	Giá trị phần sở hữu cuối năm
(1)	89.466.043.796	(1.687.153.120)		45.952.516	87.732.938.160
(2)	25.273.351.547	1.110.256.380	989.258.400	260.322.600	25.134.026.927
(3)	13.807.047.182	1.148.769.265		114.227.355	14.841.589.092
Cộng	128.546.442.525	571.872.525	989.258.400	420.502.471	127.708.554.179

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên kết

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Kasati chia cổ tức		893.326.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện		
Thu gốc hợp tác kinh doanh	8.917.953.600	15.183.966.275
Chi phí hợp tác đầu tư phải trả	200.000.000	
Nhận lãi từ hợp tác kinh doanh	1.429.411.765	
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang		
Nhượng tái bảo hiểm		
Phí nhượng tái bảo hiểm	84.489.268.626	155.342.240.915
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	25.806.778.806	52.762.295.580
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	49.221.151.592	100.741.642.826
Chi phí hoạt động nhượng tái	5.083.355.297	
Nhận tái bảo hiểm		
Phí nhận tái bảo hiểm	4.796.145.965	5.364.267.442
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	1.156.822.446	1.305.159.768
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	384.031.155	507.852.370
Chia cổ tức	990.773.316	1.077.472.237

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15.000.000.000	8.880.000.000	15.000.000.000	8.880.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2.940.000.000		2.940.000.000	10.253.558
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	17.080.000.000		17.080.000.000	
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5.800.000.000		5.800.000.000	
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65.000.000		14.900.000.000	1.243.865.235
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000		625.000.000	
Công ty Cổ phần 36	64.280.812.685	39.166.200.333	64.280.812.685	31.504.080.933
Công ty Cổ phần cấp nước Vĩnh Long			44.803.980.595	
Công ty Cổ phần nước Thủ Dầu một			80.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Phương Đông	49.968.600.000			
Cộng	155.759.412.685	48.046.200.333	245.429.793.280	41.638.199.726

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2e. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	35.577.056.197	31.235.306.464
Dự phòng Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	48.046.200.333	41.638.199.726
Cộng	83.623.256.530	72.873.506.190

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	72.873.506.190	28.386.511.018
Trích lập dự phòng bổ sung	12.003.869.133	45.808.852.370
Hoàn nhập dự phòng	(1.254.118.793)	(1.321.857.198)
Số cuối năm	83.623.256.530	72.873.506.190

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	286.910.937.615	253.777.774.038
Phải thu về tái bảo hiểm	253.221.702.804	177.087.619.790
Phải thu khác của khách hàng	35.062.744.669	27.058.778.611
Cộng	575.195.385.088	457.924.172.439

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	127.204.172.652	117.410.637.082
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	1.586.567.036	10.120.497.078
Trả trước cho nhà cung cấp khác	5.777.413.687	17.627.949.139
Cộng	134.568.153.375	145.159.083.299

5. Các khoản phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	127.069.262.799	134.939.111.894
Phải thu lại tiền bồi thường đã chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do toà án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5.614.181.754	5.614.181.754
Tạm ứng	16.048.265.467	15.519.566.234
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.118.565.441	5.822.545.664
Các khoản phải thu khác	40.957.448.256	60.526.959.717
Cộng	194.807.723.717	222.422.365.263

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký cược, ký quỹ	10.280.000.000	10.280.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	8.513.237.023	7.575.779.676
Cộng	18.793.237.023	17.855.779.676

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	515.733.302	2.725.677.434
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.475.484.365	3.403.329.412
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.553.004.479	3.582.339.409
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	55.288.032.075	55.789.375.324
Cộng	60.832.254.221	65.500.721.578

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	65.500.721.578	60.627.340.030
Trích lập dự phòng bổ sung	1.136.796.738	5.508.582.892
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng	(5.805.264.095)	(635.201.344)
Số cuối năm	60.832.254.221	65.500.721.578

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	6.021.200.519	5.578.584.940
Công cụ, dụng cụ	35.626.391	387.395.404
Chi phí dở dang	15.272.053	15.272.053
Hàng hóa	3.577.979.591	3.365.172.038
Cộng	9.650.078.554	9.346.424.435

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	233.777.609.509	176.030.723.016
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	194.831.235	643.304.226
Cộng	233.972.440.744	176.674.027.242

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	176.030.723.016	151.907.547.345
Số phát sinh trong năm	458.131.155.280	356.780.067.406
Số đã phân bổ vào chi phí trong năm	(400.384.268.787)	(332.656.891.735)
Số dư cuối năm	<u>233.777.609.509</u>	<u>176.030.723.016</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	7.202.519.109	6.221.748.644
Chi phí thuê nhà	4.208.801.190	3.962.071.720
Chi phí phát triển đại lý	632.444.803	825.434.701
Các khoản chi phí khác	23.480.640.695	17.341.740.704
Cộng	<u>35.524.405.797</u>	<u>28.350.995.769</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	161.883.886	995.130.087
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.181.583.845	24.397.482
Thuế thu nhập cá nhân	1.117.265.885	596.373.223
Các loại thuế khác	83.509.133	107.745.117
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		10.053.902
Cộng	<u>11.544.242.749</u>	<u>1.733.699.811</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.500.386.730	25.430.927.948	92.637.692.462	29.720.634.365	163.289.641.505
Mua trong năm	36.350.000		17.006.468.483	1.464.304.592	18.507.123.075
XDCB hoàn thành	10.967.464.061				10.967.464.061
Phân loại lại	24.998.167.936	(24.998.167.936)			
Thanh lý, nhượng bán		(262.030.012)	(2.003.432.385)	(2.113.027.941)	(4.378.490.338)
Số cuối năm	<u>51.502.368.727</u>	<u>170.730.000</u>	<u>107.640.728.560</u>	<u>29.071.911.016</u>	<u>188.385.738.303</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.595.611.248	33.850.000	18.822.983.422	11.714.885.851	41.167.330.521
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.444.845.552	16.704.741.005	51.198.933.774	17.882.787.759	88.231.308.090
Khấu hao trong năm	4.711.439.146	24.023.619	7.595.534.044	4.275.247.466	16.606.244.275
Phân loại lại	16.521.869.365	(16.599.869.185)	77.999.820		
Thanh lý, nhượng bán		(37.432.859)	(1.804.758.163)	(2.113.027.941)	(3.955.218.963)
Số cuối năm	<u>23.678.154.063</u>	<u>91.462.580</u>	<u>57.067.709.475</u>	<u>20.045.007.284</u>	<u>100.882.333.402</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.055.541.178	8.726.186.943	41.438.758.688	11.837.846.606	75.058.333.415
Số cuối năm	27.824.214.664	79.267.420	50.573.019.085	9.026.903.732	87.503.404.901

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Chờ thanh lý

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.096.806.800	10.644.985.686	15.741.792.486
Mua sắm trong năm		899.800.000	899.800.000
Số cuối năm	5.096.806.800	11.544.785.686	16.641.592.486

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm		5.880.145.567	5.880.145.567
Khấu hao trong năm		2.188.911.807	2.188.911.807
Số cuối năm		8.069.057.374	8.069.057.374

Giá trị còn lại

Số đầu năm	5.096.806.800	4.764.840.119	9.861.646.919
Số cuối năm	5.096.806.800	3.475.728.312	8.572.535.112

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.994.763.527	114.060.603.127	121.055.366.654
Mua mới		1.586.762.048	1.586.762.048
Số cuối năm	6.994.763.527	115.647.365.175	122.642.128.702

Giá trị hao mòn

Số đầu năm		5.163.464.375	5.163.464.375
Khấu hao trong năm		2.984.260.798	2.984.260.798
Số cuối năm		8.147.725.173	8.147.725.173

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.994.763.527	108.897.138.752	115.891.902.279
Số cuối năm	6.994.763.527	107.499.640.002	114.494.403.529

Theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất tại Bình Dương (nắm giữ chờ tăng giá)	6.994.763.527		6.994.763.527
Bất động sản cho thuê sản thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy Lợi 4	86.512.743.262	5.735.206.914	80.777.536.348
FLC Quy Nhơn	20.793.460.948	2.079.346.083	18.714.114.865
Dự án Xuân Phương	5.868.436.130	117.368.724	5.751.067.406
Chung cư FHOME	2.472.724.835	215.803.452	2.256.921.383
Cộng	122.642.128.702	8.147.725.173	114.494.403.529

Thu nhập và chi phí từ việc cho thuê bất động sản trong năm lần lượt là 6.957.098.394 VND và 3.662.574.903 VND.

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng tài sản trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	510.000.000	19.800.887.001	11.983.565.001	8.327.322.000
XDCB dở dang	18.203.028.705	20.086.545.836	10.967.464.061	27.322.110.480
Cộng	18.713.028.705	39.887.432.837	22.951.029.062	35.649.432.480

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	129.967.457.348	106.914.967.419
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	355.579.546.491	227.229.440.676
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	9.808.365.974	6.114.774.103
Phải trả cho nhà cung cấp khác	33.486.259.209	33.398.655.596
Cộng	528.841.629.022	373.657.837.794

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	10.264.056.614	6.792.178.773
Người mua trả tiền trước hoạt động khác	225.138.326	323.930.306
Cộng	<u>10.489.194.940</u>	<u>7.116.109.079</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	19.242.670.819	11.436.283.247
Thuế thu nhập doanh nghiệp	836.331.172	14.324.663.131
Thuế thu nhập cá nhân	9.030.578.448	6.099.787.959
Các loại thuế khác	293.641.409	178.570.941
Cộng	<u>29.403.221.848</u>	<u>32.039.305.278</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.434.322.097	995.130.087	137.744.375.576	(129.102.780.653)	19.242.670.819	161.883.886
Thuế xuất, nhập khẩu			74.531.690	(74.531.690)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.324.663.131	24.397.482	7.146.814.839	(30.792.333.161)	836.331.172	10.181.583.845
Thuế thu nhập cá nhân	6.099.787.959	596.373.223	29.656.999.714	(27.247.101.887)	9.030.578.448	1.117.265.885
Các loại thuế khác	180.532.091	117.799.019	1.224.439.444	(1.077.040.240)	293.641.409	83.509.133
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			417.600.000	(417.600.000)		
Cộng	<u>32.039.305.278</u>	<u>1.733.699.811</u>	<u>176.190.229.573</u>	<u>(188.636.855.941)</u>	<u>29.403.221.848</u>	<u>11.544.242.749</u>

(*) Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí công ty	6.991.162.990
Thuế TNDN phải nộp thu lại của cá nhân	155.651.849
Cộng	<u>7.146.814.839</u>

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là phí bảo hiểm gốc nhận trước cho các kỳ sau.

18. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	137.118.307.828	94.850.311.274
Trích hoa hồng trong năm	307.367.010.093	279.383.491.902
Hoàn nhập hoa hồng trong năm	(288.629.661.402)	(237.115.495.348)
Số cuối năm	<u>155.855.656.519</u>	<u>137.118.307.828</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.150.859.950	2.726.087.240
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	672.133.724	515.237.052
Cổ tức phải trả	10.686.233.993	13.487.168.942
Thuế nhà thầu tạm giữ	2.502.323.894	3.056.493.053
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	16.471.009.447	6.197.474.751
Thu phí của VNPost chưa đối chiếu	14.531.744.438	14.453.701.823
Quỹ khen thưởng khách hàng	1.954.669.995	2.454.669.995
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.956.266.342	16.399.000.000
Ứng trước tiền bán chứng khoán cuối năm	21.634.875.493	
Phải trả phải nộp khác	34.161.837.223	27.634.175.515
Cộng	<u>109.721.954.499</u>	<u>86.924.008.371</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vay ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	120.860.329.602	197.144.455.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱ⁾	69.722.900.000	170.364.700.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾	11.145.329.602	26.779.755.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	39.992.100.000	
Vay cá nhân	920.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 20b)	4.283.678.928	632.726.284
Cộng	<u>126.064.008.530</u>	<u>197.777.181.284</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất "LIBOR 3 tháng+biên độ 0,8%". Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại các tổ chức tín dụng (xem thuyết minh số V.2).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng thấu chi số 01/2018/2340004/HĐTC ngày 12/02/2018 để bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn vay ngắn hạn) tạm thời của đơn vị do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh theo tính mùa vụ; thời hạn thấu chi nằm trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi (12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 09/02/2019); lãi suất 7%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi..
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất 5%/năm đối với khoản vay phát sinh trong năm 2017 và lãi suất 5,5%/năm đối với các khoản vay phát sinh trong năm 2018, thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố các khoản tiền gửi mở tại các tổ chức tín dụng (xem thuyết minh số V.2).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	197.144.455.000	638.085.197.941		714.369.323.339	120.860.329.602
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	170.364.700.000	242.988.000.000		343.629.800.000	69.722.900.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	26.779.755.000	110.108.397.941		125.742.823.339	11.145.329.602
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân		284.988.800.000		244.996.700.000	39.992.100.000
Vay của cá nhân khác		935.000.000		15.000.000	920.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	632.726.284		4.283.678.928	632.726.284	4.283.678.928
Cộng	197.777.181.284	639.020.197.941	4.283.678.928	715.017.049.623	126.064.008.530

20b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Cầu Giấy ⁽ⁱ⁾	4.004.283.515	4.004.283.515
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm ⁽ⁱⁱ⁾	3.525.268.669	2.733.885.888
Cộng	7.529.552.184	6.738.169.403

- (i) Hợp đồng tín dụng số 98/2016/HĐTD/PGDCauGiay ngày 02/05/2016, hạn mức cho vay 1.300.000.000 đồng và Hợp đồng cấp tín dụng số 325/2016/HĐTD/PGDCauGiay ngày 11/08/2016 hạn mức 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân, tài sản đảm bảo là các quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng cho thuê hệ thống IN-buiding.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số HDTD1112018305 ngày 22/06/2018 với mục đích vay hoàn vốn và thanh toán tiền cho nhà cung cấp các chi phí đã đầu tư vào Dự án lắp đặt hệ thống Building 2 tòa nhà, với số tiền là 3,7 tỷ đồng, thời hạn vay 4 năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất theo quy định của ngân hàng. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng thuê hệ thống phủ sóng Building số 01/2016/HDKT-CNPT-HNI-IBS ngày 12/5/2016, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng cho thuê hệ thống inbuilding với Tập đoàn viễn thông và các tài sản khác gồm các giấy tờ có giá, phương tiện vận tải và bất động sản của Công ty và bên liên quan quy định tại hợp đồng.

- (ii) Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7611300/HĐTĐ ngày 17/12/2018 với mục đích Đầu tư hệ thống thiết bị viễn thông và nhân công phục vụ thi công hạ tầng dự án Đầu tư xây dựng hệ thống phủ sóng Inbuilding 5 tòa nhà, số tiền giải ngân là 7 tỷ đồng, thời hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất trong hạn năm thứ nhất là 8,5%/năm; các năm tiếp theo lãi suất huy động vốn dân cư kỳ hạn 24 tháng trả sau của BIDV Gia Lâm + 3%/năm. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi số 01/2018/HĐTĐ ngày 16/11/2018, các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế và số dư tiền VND, ngoại tệ mà tại BIDV và các tổ chức tín dụng khác.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	6.738.169.403
Số tiền vay phát sinh trong năm	7.808.947.597
Kết chuyển vay đến hạn trả	4.283.678.928
Số tiền vay đã trả trong năm	2.733.885.888
Số cuối năm	7.529.552.184

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng quỹ tiền lương phải chi trả trong năm 2019 đã được Chủ tịch Hội đồng tiền lương Tổng Công ty, Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Dự phòng nghiệp vụ

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)
22a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng						
1. Dự phòng bồi thường⁽¹⁾	896.915.750.913	347.425.959.496	549.489.791.417	797.519.969.351	295.133.085.860	502.386.883.491
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	866.192.644.248	338.817.689.001	527.374.955.247	789.813.341.350	295.133.085.860	494.680.255.490
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	30.723.106.665	8.608.270.495	22.114.836.170	7.706.628.001		7.706.628.001
2. Dự phòng phí chưa được hưởng⁽¹⁾	2.144.592.205.609	732.477.619.828	1.412.114.585.781	1.647.879.368.341	525.983.018.605	1.121.896.349.736
Cộng	3.041.507.956.522	1.079.903.579.324	1.961.604.377.198	2.445.399.337.692	821.116.104.465	1.624.283.233.227
Trong đó chi tiết:						
⁽¹⁾ Dự phòng bồi thường						
Số đầu năm	797.519.969.351	295.133.085.860	502.386.883.491	778.982.126.930	216.928.788.503	562.053.338.427
Số trích lập trong năm	99.395.781.562	52.292.873.636	47.102.907.926	18.537.842.421	78.204.297.357	(59.666.454.936)
Số hoàn nhập trong năm						
Số cuối năm	896.915.750.913	347.425.959.496	549.489.791.417	797.519.969.351	295.133.085.860	502.386.883.491
⁽¹⁾ Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số đầu năm	1.647.879.368.341	525.983.018.605	1.121.896.349.736	1.585.666.973.133	331.811.783.188	1.253.855.189.945
Số trích lập trong năm	496.712.837.268	206.494.601.223	290.218.236.045	62.212.395.208	194.171.235.417	(131.958.840.209)
Số hoàn nhập trong năm						
Số cuối năm	2.144.592.205.609	732.477.619.828	1.412.114.585.781	1.647.879.368.341	525.983.018.605	1.121.896.349.736

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22b. Tài sản tái bảo hiểm

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>347.425.959.496</i>	<i>295.133.085.860</i>
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	338.817.689.001	295.133.085.860
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	8.608.270.495	
<i>Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>732.477.619.828</i>	<i>525.983.018.605</i>
Cộng	1.079.903.579.324	821.116.104.465

22c. Dự phòng dao động lớn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	69.448.040.587	46.632.930.447
Số trích lập thêm trong năm	28.712.846.185	22.815.110.140
Số dư cuối năm	98.160.886.772	69.448.040.587

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	chủ sở hữu	chủ sở hữu				chưa phân phối	chưa phân phối		
Số dư đầu năm trước	803.957.090.000	827.943.052.804	19.773.444.835	41.540.743.782	154.994.146.755	1.048.708.158	1.849.257.186.334		
Lợi nhuận trong năm trước					153.693.761.147	49.227.226	153.742.988.373		
Trích lập các quỹ		1.285.602.068		7.426.636.794	(8.712.238.862)				
Chia cổ tức					(97.938.850.800)		(97.938.850.800)		
Trích quỹ Khen thưởng khách hàng					(1.045.602.068)		(1.045.602.068)		
Trích thù lao HĐQT, BKS					(1.234.602.068)		(1.234.602.068)		
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo					(1.568.403.102)		(1.568.403.102)		
Giảm khác do hợp nhất					2.861.706	(65.988.156)	(63.126.450)		
Số dư cuối năm trước	803.957.090.000	827.943.052.804	21.059.046.903	48.967.380.576	198.191.072.708	1.031.947.228	1.901.149.590.219		
Số dư đầu năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	21.059.046.903	48.967.380.576	198.191.072.708	1.031.947.228	1.901.149.590.219		
Lợi nhuận trong năm nay					16.971.538.117	(4.400.362)	16.967.137.755		
Trích lập các quỹ		1.585.327.359		917.382.977	(2.766.050.336)	(2.660.000)	(266.000.000)		
Chia cổ tức					(96.474.850.800)	(38.883.330)	(96.513.734.130)		
Trích quỹ Khen thưởng khách hàng					(1.485.327.359)		(1.485.327.359)		
Trích thù lao HĐQT, BKS					(1.485.327.359)		(1.485.327.359)		
Quỹ khen thưởng Ban điều hành					(2.227.991.043)		(2.227.991.043)		
Giảm khác					(137.228.331)	(21.798.017)	(159.026.348)		
Số dư cuối năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	22.644.374.262	49.884.763.553	110.585.835.597	964.205.519	1.815.979.321.735		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	803.957.090.000	803.957.090.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	182.256.480.000	182.256.480.000
Vốn góp của các cổ đông khác	621.700.610.000	621.700.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	827.943.052.804	827.943.052.804
Cộng	1.631.900.142.804	1.631.900.142.804

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	80.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 39/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho cổ đông	: 96.474.850.800
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.485.327.359
• Trích quỹ khen thưởng khách hàng	: 1.485.327.359
• Chi thù lao và thưởng HĐQT và BKS	: 1.485.327.359
• Quỹ khen thưởng Ban điều hành	: 2.227.991.043

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu phí bảo hiểm

	Năm nay	Năm trước
Phí Bảo hiểm gốc	4.159.480.240.770	3.206.371.714.043
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	<i>1.335.273.324.185</i>	<i>856.104.186.717</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	<i>353.624.769.099</i>	<i>276.810.804.916</i>
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	<i>142.868.254.543</i>	<i>100.746.397.250</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>11.823.685.897</i>	<i>15.390.467.860</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>2.001.733.622.284</i>	<i>1.736.690.642.185</i>
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	<i>192.342.611.576</i>	<i>107.614.624.249</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu</i>	<i>84.364.091.016</i>	<i>78.123.266.586</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>37.145.056.917</i>	<i>34.316.008.758</i>
<i>Bảo hiểm nông nghiệp</i>	<i>304.825.253</i>	
<i>Bảo hiểm kinh doanh</i>		<i>575.315.522</i>
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc		
Phí nhận tái bảo hiểm	126.354.440.693	143.631.384.852
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm		
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(496.712.837.268)	(62.212.395.208)
Doanh thu phí bảo hiểm	<u>3.789.121.844.195</u>	<u>3.287.790.703.687</u>

2. Phí nhượng tái bảo hiểm

	Năm nay	Năm trước
Phí nhượng tái bảo hiểm	1.414.550.062.963	1.068.492.024.874
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	<i>775.254.764.813</i>	<i>412.601.614.206</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	<i>281.177.407.677</i>	<i>312.994.872.462</i>
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	<i>31.025.028.980</i>	<i>33.051.975.327</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>174.734.097.270</i>	<i>145.146.322.961</i>
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	<i>89.856.489.621</i>	<i>61.057.588.344</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu</i>	<i>45.424.238.034</i>	<i>56.743.045.587</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>16.825.574.340</i>	<i>46.761.452.666</i>
<i>Bảo hiểm nông nghiệp</i>	<i>252.462.228</i>	<i>135.153.321</i>
Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(206.494.601.223)	(194.171.235.417)
Phí nhượng tái bảo hiểm	<u>1.208.055.461.740</u>	<u>874.320.789.457</u>

3. Hoa hồng nhượng tái

Xem thuyết minh số V.18.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Cho thuê bất động sản đầu tư	6.957.098.394	5.340.111.456
Bán bất động sản đầu tư		9.808.966.601
Cộng	6.957.098.394	15.149.078.057

5. Tổng chi bồi thường bảo hiểm

	Năm nay	Năm trước
Tổng chi bồi thường	1.702.802.760.540	1.683.410.889.298
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	<i>419.586.613.165</i>	<i>307.941.536.079</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	<i>119.591.293.977</i>	<i>113.427.092.052</i>
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	<i>75.089.193.095</i>	<i>84.250.145.087</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>		<i>192.120.560</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>966.381.852.150</i>	<i>1.064.913.606.479</i>
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	<i>63.025.139.645</i>	<i>22.092.946.551</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu</i>	<i>33.729.663.305</i>	<i>32.193.669.397</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>25.399.005.203</i>	<i>58.370.913.093</i>
<i>Bảo hiểm nông nghiệp</i>		<i>28.860.000</i>
Các khoản giảm trừ		
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(422.479.385.543)	(423.122.583.392)
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	90.787.511.067	18.537.842.421
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(43.684.603.141)	(78.204.297.357)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	1.327.426.282.923	1.200.621.850.970

6. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	Năm nay	Năm trước
Chi hoa hồng bảo hiểm	400.384.268.787	332.656.891.735
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	311.250.656.722	178.702.347.564
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	22.081.973.622	20.364.956.457
Chi các quỹ bảo hiểm	10.807.755.220	11.813.101.443
Chi phí khác	685.102.091.857	461.725.816.357
Cộng	1.429.626.746.208	1.005.263.113.556

7. Giá vốn bất động sản đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Cho thuê bất động sản đầu tư	3.662.574.903	3.531.545.385
Bán bất động sản đầu tư		4.713.619.760
Giá vốn khác		1.514.907.806
Cộng	3.662.574.903	9.760.072.951

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	109.162.385.884	105.170.947.998
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	242.409.462	389.864.014
Lãi kinh doanh trái phiếu chính phủ		9.672.133.333
Lãi đầu tư dài hạn	1.533.479.793	
Lãi kinh doanh chứng khoán	52.134.466.696	121.216.805.354
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.270.137.246	6.726.131.746
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.201.227.639	2.024.840.009
Các khoản khác	1.572.409.434	217.044.957
Cộng	<u>172.116.516.152</u>	<u>245.417.767.411</u>

9. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9.524.763.786	5.638.287.801
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.642.768.303	1.812.996.321
Lỗ kinh doanh chứng khoán	36.273.755.894	10.869.627.604
Hoàn nhập/trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	81.437.451.032	49.911.724.746
Chi phí khác	24.660.089.426	25.208.282.059
Cộng	<u>160.538.828.441</u>	<u>93.440.918.531</u>

10. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	294.563.670.149	309.983.778.808
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.533.478.689	19.442.809.851
Chi phí dụng cụ quản lý	9.498.654.186	9.914.314.857
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.623.761.246	11.111.223.711
Thuế, phí và lệ phí	23.779.201.966	16.662.944.841
Chi phí dự phòng	(4.668.467.357)	4.873.381.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.556.526.848	75.699.707.052
Chi phí khác bằng tiền	142.167.156.274	91.936.627.296
Cộng	<u>594.053.982.001</u>	<u>539.624.787.964</u>

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.971.538.117	153.693.761.147
Trích quỹ Khen thưởng khách hàng	(183.476.595)	(1.485.327.359)
Trích thù lao HĐQT, BKS	(917.382.977)	(1.485.327.359)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo	(366.953.191)	(2.227.991.043)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		(266.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.503.725.354	148.495.115.386

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	80.395.709	80.395.709
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	193	1.847

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	80.395.709	80.395.709
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	80.395.709	80.395.709

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ Khen thưởng khách hàng, thù lao HĐQT, BKS, quỹ thưởng Ban lãnh đạo, quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 1.845 VND lên 1.847 VND

Số liệu trích quỹ Khen thưởng khách hàng, thù lao HĐQT, BKS, quỹ thưởng Ban lãnh đạo, quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay được tính dựa trên kế hoạch được phê duyệt tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐQT-PTI ngày 20 tháng 12 năm 2018.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương Ban điều hành	10.486.968.920	7.754.846.071
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	1.384.827.359	1.045.602.068

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kasati	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA	Công ty có cùng thành viên chủ chốt

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu		
Phí nhượng tái bảo hiểm	6.889.637.398	2.439.286.826
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	2.408.405.245	925.296.973
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	584.750.330	368.660.306
Cổ tức được hưởng năm 2018 (của 2017)	36.000.000.000	
Cổ tức được hưởng năm 2017 (của 2016)		36.000.000.000
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam		
Cổ tức được hưởng năm 2018 (của 2017)	21.870.777.600	
Cổ tức được hưởng năm 2017 (của 2016)		21.870.777.600
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA		
Ủy thác đầu tư	17.913.442.872	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang - phải thu tái bảo hiểm		6.445.901.801
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang - phải thu cổ tức	990.773.316	
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu - phải thu tái bảo hiểm	1.325.806.770	
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện - phải thu ủy thác đầu tư dài hạn	42.910.347.222	49.255.347.222
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện - phải thu lãi ủy thác	2.900.000.000	2.900.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện - phải thu cổ tức	2.792.000.000	2.792.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA	17.913.442.872	
Cộng nợ phải thu	68.832.370.180	61.393.249.023
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang - phải trả tái bảo hiểm	1.038.201.296	
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu - phải trả tái bảo hiểm		509.162.585
Cộng nợ phải trả	1.038.201.296	509.162.585

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bảo hiểm: cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh sản phẩm thuộc lĩnh vực xăng dầu, cho thuê bất động sản đầu tư, kinh doanh thiết bị viễn thông và công trình inbuilding.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực kinh		Cộng
	doanh bảo hiểm	Lĩnh vực khác	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.377.065.124.664	166.612.786.332	3.543.677.910.996
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần	3.377.065.124.664	166.612.786.332	3.543.677.910.996
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.613.923.199	7.034.183.803	12.648.107.002
Doanh thu hoạt động tài chính	171.465.502.401	651.013.751	172.116.516.152
Chi phí tài chính	(159.419.300.946)	(1.119.527.495)	(160.538.828.441)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết			(837.888.346)
Thu nhập khác	2.990.969.699	909.175	2.991.878.874
Chi phí khác	(2.294.938.512)	(116.623.044)	(2.411.561.556)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(6.991.162.990)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(9.922.940)	(9.922.940)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			16.967.137.755
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	40.794.572.124	20.086.545.836	60.881.117.960
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	17.295.604.188	4.483.812.692	21.779.416.880

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Năm trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.781.985.447.762	129.637.094.303	2.911.622.542.065
--	-------------------	-----------------	-------------------

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
--	--	--	--

Tổng doanh thu thuần	2.781.985.447.762	129.637.094.303	2.911.622.542.065
-----------------------------	--------------------------	------------------------	--------------------------

Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.043.707.576	10.900.844.524	31.944.552.100
---------------------------------	----------------	----------------	----------------

Doanh thu hoạt động tài chính	245.397.736.392	20.031.019	245.417.767.411
-------------------------------	-----------------	------------	-----------------

Chi phí tài chính	(91.532.215.620)	(1.908.702.911)	(93.440.918.531)
-------------------	------------------	-----------------	------------------

Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết			2.308.806.005
---	--	--	---------------

Thu nhập khác	1.348.272.730	73.727	1.348.346.457
---------------	---------------	--------	---------------

Chi phí khác	(857.047.636)	(282.254.897)	(1.139.302.533)
--------------	---------------	---------------	-----------------

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(32.696.262.536)
--	--	--	------------------

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
---	--	--	--

Lợi nhuận sau thuế TNDN			153.742.988.373
--------------------------------	--	--	------------------------

Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	58.605.721.571	10.422.279.398	69.028.000.969
--	-----------------------	-----------------------	-----------------------

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	43.025.973.469	3.738.240.957	46.764.214.426
---	-----------------------	----------------------	-----------------------

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực bảo hiểm</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
--	--------------------------	----------------------	-------------

Số cuối năm

Tài sản trực tiếp của bộ phận	6.047.780.912.186	61.590.192.227	6.109.371.104.413
-------------------------------	-------------------	----------------	-------------------

Tài sản phân bổ cho bộ phận			
-----------------------------	--	--	--

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
--	--	--	--

Tổng tài sản			6.109.371.104.413
---------------------	--	--	--------------------------

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.243.486.345.251	49.905.437.427	4.293.391.782.678
-----------------------------------	-------------------	----------------	-------------------

Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
---------------------------------	--	--	--

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
--	--	--	--

Tổng nợ phải trả			4.293.391.782.678
-------------------------	--	--	--------------------------

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực bảo hiểm</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.348.508.377.413	50.474.492.918	5.398.982.870.331
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
Tổng tài sản			<u><u>5.398.982.870.331</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.460.448.195.675	37.385.084.437	3.497.833.280.112
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả			<u><u>3.497.833.280.112</u></u>

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Lãnh đạo phê duyệt.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Lãnh đạo đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Lãnh đạo thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.625.653.602		124.625.653.602
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	118.845.790.186	480.662.878.632	599.508.668.818
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.677.752.977.653	39.904.016.282	2.717.656.993.935
Phải thu khách hàng	575.195.385.088		575.195.385.088
Các khoản phải thu khác	177.788.646.285	19.764.048.988	197.552.695.273
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	173.672.855.557	40.000.000.000	213.672.855.557
Cộng	3.847.881.308.371	580.330.943.902	4.428.212.252.273
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.166.401.355		108.166.401.355
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	229.607.091.146	57.777.108.825	287.384.199.971
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.584.378.828.222	40.831.822.587	2.625.210.650.809
Phải thu khách hàng	400.813.730.400	57.110.442.039	457.924.172.439
Các khoản phải thu khác	191.671.442.085	19.688.811.280	211.360.253.365
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	188.308.980.595	97.120.812.685	285.429.793.280
Cộng	3.702.946.473.803	272.528.997.416	3.975.475.471.219

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	528.841.629.022			528.841.629.022
Vay và nợ	126.064.008.530	7.529.552.184		133.593.560.714
Các khoản phải trả khác	110.060.327.353	1.501.442.386		111.561.769.739
Cộng	764.965.964.905	9.030.994.570		773.996.959.475
Số đầu năm				
Phải trả người bán	373.657.837.794			373.657.837.794
Vay và nợ	197.777.181.284	6.738.169.403		204.515.350.687
Các khoản phải trả khác	67.864.083.313	1.120.456.136		68.984.539.449
Cộng	639.299.102.391	7.858.625.539		647.157.727.930

Ban Lãnh đạo cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Lãnh đạo đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản ủy thác cho vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm ủy thác cho vay và kỳ hạn thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản tương đương tiền	75.000.000	4.325.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.677.752.977.653	2.665.210.650.809
Vay và nợ	(133.593.560.714)	(204.515.350.687)
Cộng	2.544.234.416.939	2.465.020.300.122

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 40.707.750.671 (năm trước tăng/giảm 38.800.324.802 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng/giảm so với năm trước do sự tăng lên/giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Tập đoàn đang đầu tư tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 9.592.138.701 VND (năm trước tăng/giảm 4.598.147.200 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của giá chứng khoán năm nay không có biến động lớn so với năm trước.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.625.653.602		99.601.609.760	
Chứng khoán kinh doanh	599.508.668.818	(76.375.920.784)	287.384.199.971	(5.688.220.092)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.717.656.993.935	(32.520.375.649)	2.627.887.650.809	(31.235.306.464)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	575.195.385.088	(41.068.205.233)	430.865.393.828	(44.193.119.623)
Các khoản phải thu khác	197.552.695.273	(19.764.048.988)	208.581.519.497	(19.688.811.280)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	213.672.855.557	(51.102.880.881)	285.429.793.280	(41.638.199.726)
Cộng	4.428.212.252.273	(220.831.431.535)	3.939.750.167.145	(142.443.657.185)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	528.841.629.022	350.308.039.132
Vay và nợ	133.593.560.714	197.144.455.000
Các khoản phải trả khác	111.561.769.739	64.729.707.547
Cộng	245.155.330.453	612.182.201.679

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	82,99	80,61
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	17,01	19,39
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	70,28	64,70
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	29,72	35,30
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,42	1,55
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,18	1,25
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,03	0,03
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	109,19	925,67
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	0,68	6,48
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0,48	5,34

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,39	3,37
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,28	2,78
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu			
	%	0,93	7,87

6. Rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu đầu tiên của Tập đoàn trong việc quản lý vốn là luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tập đoàn nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các nghiệp vụ của Tập đoàn và yêu cầu Tập đoàn phải giữ nguồn vốn vừa đủ để xử lý nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tập đoàn được quy định trong Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Phụ lục đính kèm (trang 62 – 63) nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tập đoàn. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh toán phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC**BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
I. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	1.815.979.321.735	1.901.149.590.219
1. Tổng Tài sản doanh nghiệp	6.109.371.104.413	5.398.982.870.331
2. Nợ phải trả	4.293.391.782.678	3.497.833.280.112
II. Giá trị tài sản bị loại trừ	425.415.825.665	335.946.890.809
1. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	73.013.847.276	65.590.833.882
1.1 Các khoản góp vốn để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Bảo hiểm	20.152.200.000	20.152.200.000
1.2 Tài sản tương ứng với quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
1.3 Các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng	-	-
1.4 Tài sản cố định vô hình (trừ phần mềm máy tính)	-	-
1.5 Chi phí trả trước, cho vay không có bảo lãnh, các khoản tạm ứng, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	51.767.502.499	43.903.345.564
1.6 Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn trên 2 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật	1.094.144.777	1.535.288.318
1.7 Các khoản cho vay, đầu tư trở lại cho các cổ đông hoặc người có liên quan quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp là các khoản tiền gửi ngân hàng	-	-
2. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	352.401.978.389	270.356.056.926
2.1 Các Tài sản đầu tư	139.865.571.135	122.696.740.569
a) Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh: loại trừ 1% giá trị hạch toán;	-	-
b) Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh: loại trừ 3% giá trị hạch toán;	6.000.000.000	2.940.000.000
c) Cổ phiếu được niêm yết: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	89.732.394.058	41.968.134.957
d) Cổ phiếu không được niêm yết: loại trừ 20% giá trị hạch toán;	6.526.000.000	41.140.023.880
đ) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng: loại trừ 8% giá trị hạch toán;	967.325.626	9.119.515.644
e) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản để cho thuê, các khoản cho vay thương mại có bảo lãnh: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	16.124.946.000	1.049.214.529
g) Vốn góp vào các doanh nghiệp khác trừ doanh nghiệp bảo hiểm: loại trừ 20% giá trị hạch toán.	20.514.905.450	26.479.851.559
2.2 Các khoản phải thu	1.598.755.493	3.609.638.909
a) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 180 ngày đến dưới 01 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 30%	361.013.311	1.907.974.203
b) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 50%	1.237.742.183	1.701.664.706

2.3	Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và hàng tồn kho: loại trừ 25% giá trị hạch toán	25.142.579.248	18.351.812.394
2.4	Tài sản khác: loại trừ 15% giá trị hạch toán	185.795.072.513	125.697.865.054
III.	Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp (I-II)	1.390.563.496.070	1.565.202.699.410
IV.	Biên khả năng thanh toán tối thiểu		
	25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	717.821.154.625	570.377.768.505
	So sánh Biên khả năng thanh toán và Biên khả năng thanh toán tối thiểu (III và IV)		
	Chênh lệch theo số tuyệt đối	672.742.341.445	981.295.744.647
	Chênh lệch theo tỷ lệ %	194%	274%

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu